

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**  
( Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2009



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 18



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán Artex (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Dương Kim Ngọc  
Ông Đường Ngọc Hà  
Ông Trịnh Văn Quyết  
Ông Nguyễn Thanh Giang  
Ông Nguyễn Mạnh Hà

Chủ tịch  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên

Bổ nhiệm ngày 06/10/2009  
Miễn nhiệm Chủ tịch ngày 06/10/2009

#### Ban Giám đốc

Bà Phan Văn Hà

Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán và các quy định hiện hành khác về kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Phan Văn Hà**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2010



Số: 040 /VACO/BCKT.KT2

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Công ty Cổ phần chứng khoán Artex

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty cổ phần chứng khoán Artex (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Ngoại trừ các hạn chế trong phạm vi kiểm toán được nêu dưới đây, Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Hạn chế phạm vi kiểm toán**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 03/03/2008 đến ngày 31/12/2008 của Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo của công ty kiểm toán này được lập tại ngày 26/03/2009, với ý kiến ngoại trừ hạn chế phạm vi kiểm toán do kiểm toán viên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng đảm bảo tính hiện hữu và đánh giá mức độ giảm giá cần trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty cổ phần DABACO Sông Hậu, Công ty cổ phần Thương mại Hiệp Quang và Công ty cổ phần đầu tư tài chính Ninh Bắc với tổng số tiền là 40.750.000.000 đồng. Do không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của các hạn chế nêu trên đến báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 03/03/2008 đến ngày 31/12/2008 cũng như đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Tại ngày 31/12/2009, Công ty có một số mã chứng khoán chưa niêm yết của các Công ty cổ phần DABACO Sông Hậu, Công ty cổ phần Everpia Việt Nam, Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm, Công ty cổ phần đầu tư tài chính ITASCO và Công ty cổ phần bất động sản tài chính dầu khí với tổng giá trị là 34.779.000.000 đồng. Các chứng khoán này chưa được Công ty đánh giá trích lập dự phòng. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khả năng suy giảm giá trị và tính đúng đắn, đầy đủ đối với chi phí dự phòng giảm giá cần trích lập cho các khoản đầu tư nêu trên của Công ty cũng như những ảnh hưởng có thể có đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính của Công ty.




### **Ý kiến ngoại trừ**

Ngoại trừ ảnh hưởng của điều chỉnh liên quan đến hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.



**Nguyễn Đức Tiến**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2010*



**Phạm Thị Hòa**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0443/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Mẫu B 01-CTCK**  
**ĐVT: VND**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150)	<b>100</b>		<b>329.824.320.087</b>	<b>104.907.723.435</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>04</b>	<b>45.530.352.771</b>	<b>30.138.881.514</b>
1. Tiền	111		35.530.352.771	30.138.881.514
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>05</b>	<b>54.576.732.230</b>	<b>71.584.836.975</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		57.045.062.177	80.875.313.008
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.468.329.947)	(9.290.476.033)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>229.502.280.972</b>	<b>3.068.423.346</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		3.021.874.384	161.700.000
2. Trả trước cho người bán	132		664.938.433	2.838.269.120
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	06	204.803.989.935	68.454.226
4. Các khoản phải thu khác	138	07	21.011.478.220	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>214.954.114</b>	<b>115.581.600</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		43.087.908	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		171.866.206	115.581.600
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+260)	<b>200</b>		<b>10.586.644.365</b>	<b>13.736.524.564</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.137.072.105</b>	<b>8.179.442.655</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	08	6.344.593.557	7.105.309.107
- Nguyên giá	222		11.109.747.557	8.538.635.107
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.765.154.000)	(1.433.326.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227	09	2.792.478.548	1.074.133.548
- Nguyên giá	228		3.702.793.548	1.364.782.548
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(910.315.000)	(290.649.000)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.449.572.260</b>	<b>5.557.081.909</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.266.128.998	5.434.053.998
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263		183.443.262	123.027.911
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>340.410.964.452</b>	<b>118.644.247.999</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**Mẫu B 01-CTCK**  
**ĐVT: VND**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>195.213.119.415</b>	<b>5.318.951.664</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>195.213.119.415</b>	<b>5.318.951.664</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	3.600.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		1.592.104.826	404.544.319
3. Người mua trả tiền trước	313		289.500.000	240.500.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	2.655.308.981	26.529.360
5. Phải trả nhân viên	315		1.530.318.240	159.035.232
6. Chi phí phải trả	316		680.755.990	194.088.523
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	13	162.378.217.314	3.173.039.592
8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		502.796.100	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	14	21.984.117.964	1.121.214.638
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>145.197.845.037</b>	<b>113.325.296.335</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>145.197.845.037</b>	<b>113.325.296.335</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	135.000.000.000	135.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15	10.197.845.037	(21.674.703.665)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>400</b>		<b>340.410.964.452</b>	<b>118.644.247.999</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**ĐVT: VND**

	Mã số	31/12/2009	31/12/2008
<b>1. Chứng khoán lưu ký</b>		<b>182.946.550.000</b>	<b>89.065.070.000</b>
<b>1.1 Chứng khoán giao dịch</b>	<b>07</b>	<b>111.571.400.000</b>	<b>40.065.370.000</b>
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	08	5.771.040.000	1.642.840.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	09	105.800.360.000	38.422.530.000
<b>1.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>012</b>	<b>35.592.150.000</b>	<b>40.600.000.000</b>
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	35.592.150.000	40.600.000.000
<b>1.3 Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>027</b>	<b>35.783.000.000</b>	<b>8.399.700.000</b>
- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	1.700.800.000	1.542.000.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	34.082.200.000	6.857.700.000



**Phan Văn Hà**  
**Tổng Giám đốc**

**Nguyễn Quốc Vương**  
**Kế toán trưởng**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**Mẫu B 02-CTCK**  
**DVT: VND**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Từ ngày 03/03/2008 đến ngày 31/12/2008
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>84.417.678.222</b>	<b>13.292.568.542</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		22.664.360.061	926.900.541
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		47.853.793.683	4.155.876.820
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		1.033.319.935	364.272.728
Doanh thu khác	01.9		12.866.204.543	7.845.518.453
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>84.417.678.222</b>	<b>13.292.568.542</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>		<b>29.390.079.821</b>	<b>20.517.879.820</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>55.027.598.401</b>	<b>(7.225.311.278)</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>		<b>20.823.194.492</b>	<b>14.448.153.109</b>
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>		<b>34.204.403.909</b>	<b>(21.673.464.387)</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>		<b>2.139.950</b>	<b>-</b>
<b>9. Chi phí khác</b>	<b>32</b>		<b>3.738.287</b>	<b>1.239.278</b>
<b>10. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(1.598.337)</b>	<b>(1.239.278)</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>34.202.805.572</b>	<b>(21.674.703.665)</b>
<b>12. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>16</b>	<b>2.330.256.870</b>	<b>-</b>
<b>13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>52</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>31.872.548.702</b>	<b>(21.674.703.665)</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>17</b>	<b>2.361</b>	<b>-</b>



**Phan Văn Hà**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2010

**Nguyễn Quốc Vương**  
**Kế toán trưởng**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**Mẫu B 03-CTCK**  
**ĐVT: VND**

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Từ ngày 03/03/2008 đến ngày 31/12/2008
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	995.258.824.570	1.225.596.421
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(944.913.180.741)	(2.963.146.913)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05	(41.871.591)	(120.000.000)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	17.576.162.902.753	516.207.155.007
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(17.567.440.529.696)	(510.549.306.615)
6. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(42.603.556.039)	(64.485.993.965)
7. Tiền chi trả cho người lao động	11	(4.795.269.110)	(3.188.818.590)
8. Tiền chi trả lãi vay	12	(420.922.104)	
9. Tiền thu khác	14	15.391.124.683	91.256.083.319
10. Tiền chi khác	15	(12.945.248.544)	(127.737.268.199)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>13.652.274.181</b>	<b>(100.355.699.535)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.857.910.450)	(4.505.418.951)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.997.107.526	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.860.802.924)</b>	<b>(4.505.418.951)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	135.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	90.600.000.000	32.000.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(87.000.000.000)	(32.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.600.000.000</b>	<b>135.000.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>15.391.471.257</b>	<b>30.138.881.514</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	30.138.881.514	-
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>45.530.352.771</b>	<b>30.138.881.514</b>



Phan Văn Hà  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2010

Nguyễn Quốc Vương  
Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần chứng khoán Artex (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 và Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của Công ty là 135.000.000.000 đồng tương ứng với 13.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ Công Mỹ Nghệ sở hữu 1.900.000 cổ phần tương ứng với 19.000.000.000 đồng, chiếm 14,07 % vốn điều lệ.
- Công ty cổ phần Sông Đà 9 sở hữu 3.650.000 cổ phần tương ứng với 36.500.000.000 đồng, chiếm 27,04 % vốn điều lệ.
- Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông Nghiệp sở hữu 3.200.000 cổ phần tương ứng với 32.000.000.000 đồng chiếm 23,70 % vốn điều lệ.
- Ông Đường Ngọc Hà sở hữu 2.000.000 cổ phần tương ứng với 20.000.000.000 đồng chiếm 14,81% vốn điều lệ.
- Ông Trịnh Văn Quyết sở hữu 1.000.000 cổ phần tương ứng với 10.000.000.000 đồng chiếm 7,41% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác sở hữu 1.750.000 cổ phần tương ứng với 17.500.000.000 đồng, chiếm 12,96% vốn điều lệ.

Công ty là thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2009 là 45 người (tại ngày 31/12/2008 là 54 người)

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỷ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

**Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Việc phân loại khoản đầu tư tài chính, chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Giám đốc, theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư số 11/2000/TT-BTC ("Thông tư 11") ngày 01 tháng 02 năm 2000 do Bộ Tài chính ban hành, hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn.

Giá thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết được xác định dựa trên giá thị trường của các chứng khoán đó được giao dịch trên thị trường phi tập trung. Tại ngày 31/12/2009, một số chứng khoán đầu tư chưa niêm yết, Công ty không trích lập dự phòng do không xác định được giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

**Phải thu khách hàng**

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư, phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh chưa niêm yết.

**Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu**

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền bán chứng khoán của khách hàng, phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí môi giới chứng khoán, phải thu khác.

**Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Máy móc thiết bị	03
Phương tiện vận tải	05
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 03 năm.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí trước thành lập, công cụ dụng cụ chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí trước thành lập bao gồm các khoản chi phí phát sinh trước ngày 03/03/2008 để chuẩn bị cho việc thành lập Công ty. Chi phí này được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh trong thời gian 2 năm.

Các khoản công cụ dụng cụ bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, ... được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hoá dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu là chi phí tư vấn thành lập Công ty Cổ phần chứng khoán Artex và một số khoản chi phí khác, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Doanh thu**

• **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• **Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:**

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.).

• **Doanh thu hoạt động tư vấn:**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• **Doanh thu khác:**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, doanh thu khác..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 do không có có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Trong năm 2009, Công ty đã ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá rằng lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền mặt	4.144.798.955	1.357.133.043
Tiền mặt ký quỹ của khách hàng tại Công ty	1.288.807.017	28.310.200
Tiền gửi ngân hàng	24.023.475.875	25.608.180.245
Tiền gửi ký quỹ của khách hàng tại Công ty	6.071.609.896	3.144.729.392
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.661.028	528.634
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
	<b>45.530.352.771</b>	<b>30.138.881.514</b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN**

	Số lượng chứng khoán	Giá trị theo sổ kế toán VND	Giảm so với giá thị trường VND	Giá trị theo giá thị trường VND
<i>Chứng khoán đầu tư</i>	<i>2.392.104</i>	<i>56.965.989.947</i>	<i>(2.468.329.947)</i>	<i>54.497.660.000</i>
Chứng khoán sẵn sàng để bán	2.392.104	56.965.989.947	(2.468.329.947)	54.497.660.000
<i>Đầu tư tài chính khác (*)</i>	<i>-</i>	<i>79.072.230</i>	<i>-</i>	<i>79.072.230</i>
	<b>2.392.104</b>	<b>57.045.062.177</b>	<b>(2.468.329.947)</b>	<b>54.576.732.230</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP)**

Công ty chưa đánh giá để trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết dưới đây:

Tên Công ty	Số lượng	Giá đơn vị theo sổ kế toán	Giá trị theo sổ kế toán VND
Công ty cổ phần Everpia Việt Nam	150.000	54.673	8 201 000 000
Công ty CP kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON	450.000	21.340	9 603 000 000
Công ty cổ phần đầu tư tài chính ITASCO	5.000	22.000	110 000 000
Công ty cổ phần bất động sản tài chính dầu khí	680.000	16.581	11 275 000 000
Cổ phiếu công ty DABACO Sông Hậu	430.000	13.000	5 590 000 000
<b>Cộng</b>			<b>34.779.000.000</b>

Ban Giám đốc Công ty đã xem xét một cách thận trọng và đã quyết định các chứng khoán mà Công ty đang đầu tư là các chứng khoán để đầu tư ngắn hạn.

Ghi chú: (\*) Đầu tư tài chính khác bao gồm các khoản hợp tác kinh doanh đầu tư chứng khoán với các nhà đầu tư.

**6. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	95.238.763.935	68.454.226
Phải thu trung tâm lưu ký tiền bán chứng khoán của khách hàng	109.565.226.000	-
	<b>204.803.989.935</b>	<b>68.454.226</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Phải thu hợp tác ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng (*)	20.226.000.000	-
Phải thu khác	785.478.220	-
	<b>21.011.478.220</b>	<b>-</b>

Ghi chú: (\*) Phải thu hợp tác ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng là khoản tiền Công ty hợp tác với Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt về việc cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng của Công ty theo Hợp đồng hợp tác số 01/2009/BVB-ART/LK-UT ngày 13/04/2009.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 31/12/2008	6.388.357.807	2.150.277.300	8.538.635.107
Tăng trong năm	2.571.112.450	-	2.571.112.450
Mua sắm mới	2.571.112.450	-	2.571.112.450
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2009	8.959.470.257	2.150.277.300	11.109.747.557
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 31/12/2008	1.092.361.000	340.965.000	1.433.326.000
Tăng trong năm	2.901.772.000	430.056.000	3.331.828.000
Khấu hao trong năm	2.901.772.000	430.056.000	3.331.828.000
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2009	3.994.133.000	771.021.000	4.765.154.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2008	5.295.996.807	1.809.312.300	7.105.309.107
Tại ngày 31/12/2009	4.965.337.257	1.379.256.300	6.344.593.557

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 31/12/2008	1.364.782.548	1.364.782.548
Tăng trong năm	2.338.011.000	2.338.011.000
Mua sắm mới	2.338.011.000	2.338.011.000
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2009	3.702.793.548	3.702.793.548
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 31/12/2008	290.649.000	290.649.000
Tăng trong năm	619.666.000	619.666.000
Khấu hao trong năm	619.666.000	619.666.000
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2009	910.315.000	910.315.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 31/12/2008	1.074.133.548	1.074.133.548
Tại ngày 31/12/2009	2.792.478.548	2.792.478.548



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Chi phí trước thành lập	139.964.616	979.724.616
Công cụ, dụng cụ	55.500.122	589.357.122
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.070.664.260	3.864.972.260
	<b>1.266.128.998</b>	<b>5.434.053.998</b>

**11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.600.000.000	-
	<b>3.600.000.000</b>	<b>-</b>

Vay ngắn hạn là khoản tiền Công ty REPO 300.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần kỹ thuật nền móng và công trình ngầm Fecon tại Công ty tài chính cổ phần điện lực trong thời gian từ 23/10/2009 đến 15/04/2010 với lãi suất 11,5%/năm

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	12.184.263	15.700.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.330.256.870	-
Thuế thu nhập cá nhân	312.867.848	-
Các loại thuế khác	-	10.829.360
	<b>2.655.308.981</b>	<b>26.529.360</b>

**13. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Phải trả trung tâm lưu ký tiền mua chứng khoán của khách hàng	46.212.716.000	688.093.000
Phải trả cho khách hàng về tiền bán chứng khoán	109.565.226.000	-
Phải trả khách hàng tiền ký quỹ tại Công ty	6.600.275.314	2.484.946.592
	<b>162.378.217.314</b>	<b>3.173.039.592</b>

**14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	5.630.963	157.462.638
Khách hàng nộp tiền mua cổ phần đầu giá	1.408.045.000	963.752.000
Phải trả hợp tác ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng (*)	20.226.000.000	-
Phải trả phải nộp khác	344.442.001	-
	<b>21.984.117.964</b>	<b>1.121.214.638</b>

*Ghi chú: (\*) Phải trả hợp tác ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng là khoản tiền Công ty hợp tác với Ngân hàng thương mại cổ phần Bảo Việt về việc cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng của Công ty theo Hợp đồng hợp tác số 01/2009/BVB-ART/LK-UT ngày 13/04/2009.*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của cổ đông	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND	VND
Số dư tại 31/12/2008	135.000.000.000	(21.674.703.665)
Tăng trong kỳ	-	31.872.548.702
Lãi trong kỳ	-	31.872.548.702
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 31/12/2009	135.000.000.000	10.197.845.037

Tình hình góp vốn điều lệ của Công ty đến ngày 31/12/2009 như sau:

Cổ đông	Theo Giấy phép thành lập và hoạt động		Vốn điều lệ đã góp	
	'000 VND	%	'000 VND	%
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ nghệ	19.000.000	14,07%	19.000.000	14,07%
Công ty CP Sông Đà 9	36.500.000	27,04%	36.500.000	27,04%
Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp	32.000.000	23,70%	32.000.000	23,70%
Ông Trịnh Văn Quyết	10.000.000	7,41%	10.000.000	7,41%
Ông Đường Ngọc Hà	20.000.000	14,81%	20.000.000	14,81%
Các cổ đông khác	17.500.000	12,96%	17.500.000	12,96%
	135.000.000	100,00%	135.000.000	100,00%

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty tại 31/12/2009:

Cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập:

- + Số cổ phiếu được phép phát hành
- + Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ
- + Mệnh giá của cổ phiếu
- + Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm

11.750.000 cổ phiếu  
11.750.000 cổ phiếu  
10.000 đồng/cổ phiếu  
11.750.000 cổ phiếu

**16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2009	Từ ngày 03/03/2008 đến ngày 31/12/2008
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	34.202.805.572	(21.674.703.665)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được chia)	(325.222.800)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	416.000.000	-
Chuyển lỗ của năm trước (*)	(20.977.829.228)	-
Thu nhập chịu thuế	13.315.753.544	(21.674.703.665)
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.328.938.386	-
Thuế TNDN được miễn giảm (**)	998.681.516	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.330.256.870	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP)**

Ghi chú:

(\*) Số lỗ cho kỳ hoạt động từ ngày 3/3/2008 đến ngày 31/12/2008 được xác định theo số lỗ trên tờ khai thuế TNDN cho kỳ hoạt động từ ngày 03/03/2008 đến ngày 31/12/2008, số lỗ này chưa được quyết toán bởi cơ quan thuế.

(\*\*) Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 về việc hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2009. Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã xác định số thuế được giảm theo qui định trên.

**17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2009	Từ ngày 03/03/2008 đến ngày 31/12/2008
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	31.872.548.702	(21.674.703.665)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.500.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.361	-
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

Kỳ hoạt động từ ngày 03/03/2008 đến ngày 31/12/2008, Công ty không xác định lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu.

**18. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG NĂM**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
	VND	VND
a) Của Công ty chứng khoán	4.632.850	147.708.717.000
- Cổ phiếu	4.632.850	147.708.717.000
b) Của nhà đầu tư	217.290.063	9.428.301.548.000
- Cổ phiếu	217.290.063	9.428.301.548.000
	<b>221.922.913</b>	<b>9.576.010.265.000</b>

**19. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Các khoản tiền nộp mua cổ phần đầu giá	1.408.045.000	963.752.000
Tiền ký quỹ của khách hàng về giao dịch chứng khoán	7.360.416.913	3.173.039.592
	<b>8.768.461.913</b>	<b>4.136.791.592</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Mẫu B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty đã ký hợp đồng số 02/HĐTN/2008 với Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ về việc thuê văn phòng với tổng diện tích 564,68 m<sup>2</sup> trong thời hạn 5 năm kể từ ngày 15/12/2007 trong đó tầng 1: diện tích 80m<sup>2</sup> giá thuê 34USD/m<sup>2</sup>, tầng 2: diện tích 315.87 m<sup>2</sup>, tầng 3: diện tích 168,71m<sup>2</sup> giá thuê 30 USD/m<sup>2</sup>.

Ngày 01/04/2009 Công ty ký phụ lục hợp đồng số 01, theo đó Công ty chỉ còn thuê tầng 2 và tầng 3 từ ngày 01/04/2009.

Chi phí thuê nhà đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là: 3.345.838.242 đồng.

	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	3.129.785.921
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	6.259.571.842
	<b>9.389.357.762</b>

Số liệu trên được qui đổi ra VND theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày 31/12/2009.

**21. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2008 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.